TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DSST
Ngày: 27 - 05 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Sơn

2. Bà Nguyễn Lê Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại xxxx; địa chỉ: xx đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông P T Q V; (Giấy ủy quyền số 271/2021/GUQ-CNBT ngày 19/11/2021); có mặt.

Bị đơn: Ông N M N, sinh năm; 1995; địa chỉ thường trú: xxx Hồng Bàng, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: xx Lò Siêu, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2021, bản tự khai, tại các phiên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên Ngân hàng TMCP xxxx – Chi nhánh xx (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho Ông N M N vay vốn theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1929100328 ký kết ngày 18/10/2019 và Hợp đồng sử dụng Thẻ Tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 03/10/2019 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) được ký kết giữa Ngân hàng và Ông N M N. Chi tiết các Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1929100328 ngày 18/10/2019, chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng
- Dư nợ hiện tại: 119.500.000 đồng
- Thời hạn nhận nợ vay: 60 tháng

2. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 03/10/2019, chi tiết như sau:

Căn cứ vào chính sách cấp thẻ và thu nhập của Ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit số 472075 – 6198 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn*), mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.184.724 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP xxxx – Chi nhánh xx. Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đốn đốc, làm việc, Ngân hàng cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, nhưng ông N vẫn không có thiện chí, thường xuyên né tránh và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP xxxx yêu cầu ông N M N phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cho vay và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 13/4/2022 là 194.342.585 đồng.

Ngoài ra, ông N M N còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 14/4/2022 của các khoản nợ đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các phụ lục, điều khoản hợp đồng.

Ông N xác nhận đây là nợ cá nhân của ông, không liên quan đến vợ ông là bà L G H. Đề nghị Tòa án không triệu tập vợ ông N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Vẫn giữ yêu cầu như trình bày trên và nêu yêu cầu cụ thể: Đề nghị Tòa án buộc ông N M N trả cho Ngân hàng các khoản tiền tính đến ngày 27/5/2022 là:

+ Đối với Hợp đồng vay kiêm giấy nhận nợ số LD1929100328 ngày 18/10/2019:

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 157.351.433 đồng, trong đó:

- Vốn: 119.500.000 đồng
- Lãi trong hạn: 26.003.288 đồng
- Lãi quá hạn: 11.848.145 đồng

+ Đối với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 03/10/2019:

Tổng số vốn + lãi là 39.281.478 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi mốt ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng*), trong đó:

- Vốn: 23.995.928 đồng
- Lãi: 15.285.550 đồng

Tổng hai khoản phải thanh toán là 196.632.911 đồng (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn chín trăm mười một đồng*), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu Ông N phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/5/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

* Bị đơn ông N M N trình bày:

Ông N xác định đến ngày 13/4/2022, ông N còn thiếu Ngân hàng TMCP xxxx khoản tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cho vay và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 13/4/2022 là 194.342.585 đồng (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng*). Nay ông N chấp nhận trả toàn bộ số tiền trên, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông N chỉ có khả năng trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông N xác nhận đây là nợ cá nhân của ông, không liên quan đến vợ ông là bà L G H. Đề nghị Tòa án không triệu tập vợ ông N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn trình bày:

Thống nhất số tiền do Ngân hàng nêu trên, yêu cầu được trả một tháng 3.000.000 đồng, trả đến khi hết nợ. Yêu cầu Ngân hàng cắt bỏ tiền lãi và không tính lãi phát sinh vì lí do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông N M N có ký Hợp đồng cho vay và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP xxxx, có cơ sở xác định giữa Nhựt và Ngân hàng TMCP xxxx có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông N cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Hội đồng xét xử xét yêu cầu của nguyên đơn:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập việc vay tiền. Tính đến ngày 27/5/2022 phía ông N M N còn nợ Ngân hàng vốn + lãi tổng cộng là 196.632.911 đồng. Xét thấy, ông N đã trực tiếp vay và nhận tiền vay của Ngân hàng để sử dụng, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán không trả hết nợ vốn và lãi nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu trả hết nợ vốn + lãi là có căn cứ. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận. Buộc ông N M N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng hết số tiền vốn + lãi, tổng cộng là 196.632.911 đồng (*Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn chín trăm mười một đồng*) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, ông N còn phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 28/5/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Do khoản vay này phía Ngân hàng cũng như ông N thừa nhận là khoản vay cá nhân của ông N, không liên quan đến vợ ông N và Ngân hàng không yêu cầu vợ ông

N có trách nhiệm nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đưa vợ ông N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như không đề cập đến trong phần quyết định.

[3] Xét ý kiến của bị đơn

Bị đơn thừa nhận đến ngày hôm nay vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền:

+ Đối với Hợp đồng vay cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1929100328, tổng số tiền nợ vốn + lãi là 157.351.433 đồng.

+ Đối với Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 03/10/2019, tổng số tiền nợ vốn + lãi là 39.281.478 đồng.

Tổng cộng còn nợ vốn + lãi là 196.632.911 đồng.

Bị đơn yêu cầu Ngân hàng cho thanh toán mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ và đề nghị Ngân hàng bỏ phần tiền lãi. Xét thấy, yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, kéo dài thời gian trả nợ, không phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này không có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông N M N phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP xxxx.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xxxx.

Buộc ông N M N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xxxx tổng số tiền tính đến ngày 27/5/2022 là 196.632.91 đồng (Trong đó, gồm có vốn: 143.495.925 đồng, lãi: 53.136.983 đồng). Đồng thời, ông N M N phải tiếp tục chịu tiền nợ lãi trên dư nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 28/5/2022 đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xxxx theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký.

Thanh toán khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N M N phải nộp án phí là 9.831.646 đồng (*Bằng chữ: Chín triệu tám trăm ba mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi sáu đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xxxx số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.531.583 đồng (*Bốn triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm tám mươi ba đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0019651 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hiếu Thuận